

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1988

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 19/02/2010

- Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 02/7/2012

Người đại diện hợp pháp cho cháu Q, cháu Đ: Anh Nguyễn Khắc H (là bố đẻ)

Đều có HKTT: Thôn D, xã Th, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời gian 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Khắc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Khắc H thuận tình ly hôn;

- **Về nuôi con chung:** Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 19/02/2010 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 02/7/2012. Anh Chị thống nhất thỏa thuận anh H được quyền nuôi dưỡng cả hai cháu kể từ tháng 7 năm 2020 đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị L, anh H thống nhất thỏa thuận chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, công sức, nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000611 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả chị L số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- UBND xã Th, T, Hưng Yên (GCNKH số 45 năm 2011)
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc